

Bản án số: 369/2022/DS-PT

Ngày: 15-8-2022

V/v tranh chấp lỗi đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Tấn Tạng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 132/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp lỗi đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn H*** là chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021). (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1940;

2.2. Bà Huỳnh Kim S, sinh năm 1975;

2.3. Bà Huỳnh Kim V, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã M, thành phố C, Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị X, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V* là ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1967 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021). (Có mặt)

2.4. Ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1967; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã M, thành phố C, Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: khóm Mỹ T, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp .

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Kim N* là ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1967 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021). (Có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968;

3.3. Anh Huỳnh Quốc Dương T, sinh năm 1996;

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Quốc Dương T* là bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021). (Có mặt)

3.4. Huỳnh Thoại Mai T, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Thoại Mai T: Ông Huỳnh Thành T và bà Nguyễn Thị Ngọc H (cha ruột và mẹ ruột) (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên lạc: khóm Mỹ T, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo: Ông Đặng Văn H là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn ông Đặng Văn H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:*** Nguồn gốc phần đất tại thửa số 92, diện tích 74m², tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là của cha, mẹ của ông H, bà X để lại (cha là ông Đặng Văn T, mẹ là bà Nguyễn Thị N). Năm 1993, ông Huỳnh Văn T1 (đã chết) là chồng bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/1993.

Gia đình ông H có khu mộ của ông, bà và nhà của các con ông H nằm phía sau phần đất do ông T đứng tên nhưng gia đình ông H không có lối đi ra khu mộ.

Phần đất này hiện nay là đất trống, trên đất không có trồng cây và vật kiến trúc, con của ông T1 là ông T đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Trước đây, ông H có nhiều lần yêu cầu bên ông T1 và con ông T1 là ông T cho ông H xin một lối đi để có đường ra khu mộ, phòng trường hợp sau này trong gia đình có người trăm tuổi già thì có đường đi thuận tiện ra khu mộ nhưng bên ông T không đồng ý.

Nay, ông H yêu cầu bà Đặng Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V cho ông H xin một lối đi chiều ngang 4m, chiều dài 18,5m thuộc thửa số 92, diện tích 74 m², tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy L đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn H yêu cầu bà Đặng Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V mở cho ông lối đi trên đất gia đình các bị đơn, lối đi ngang 04m dài một cạnh giáp đất ông L là 16,71m, dài giáp nhà ông T là 16,56m, diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 và về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng ý trả giá trị đất cho gia đình bà X theo giá do Hội đồng định giá đã định.

- Bị đơn ông Huỳnh Thành T và là người diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị X, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V, bà Huỳnh Kim N và đại diện theo pháp luật của Huỳnh Thoại T trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Đặng Văn T và cụ Nguyễn Thị N tạo lập. Sau khi cụ T và cụ N chết vào năm 1975, ông Đặng Văn Tr là anh ruột của bà X và ông H đứng ra chia đất cho ông H và bà X, phần đất tranh chấp là đất bà X được chia, còn phần đất của ông H được chia liền kề với đất bà X. Năm 1993, ông Huỳnh Văn T1 (chồng bà X) đi kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 08/6/1993 diện tích 285m², thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 92, diện tích 74 m², tờ bản đồ số 20), tọa lạc tại Tổ 3, ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C và gia đình bà X quản lý, sử dụng liên tục. Năm 1995, ông T1 và bà X cho ông T diện tích đất hẻm là 81,5m² thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 01. Sau đó, ông T san lấp cát để cất nhà và làm chuồng heo, sử dụng liên tục từ đó đến nay. Năm 2010, ông T1 và ông H đã xác định ranh và cắm trụ đá, được thể hiện tại biên bản hòa giải thành ngày 30/8/2010.

Năm 2014, ông H yêu cầu ông T1 cho ông sử dụng lối đi ngang 03m từ lộ đến đất ông, ông T1 không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Từ năm 2014 đến nay, ông H đã khởi kiện ông T1 nhiều lần, rút đơn khởi kiện nhiều lần nên sau khi ông T1 chết, vợ và các con ông T1 không làm thủ tục thừa kế và đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được.

Nay bà Đặng Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì từ trước đến

nay ông H đi ra khu mộ không đi qua đất của các bị đơn nên bị đơn không đồng ý cho ông H bất cứ diện tích đất nào để đi ra mộ.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H và đồng thời là người đại diện theo ủy của Huỳnh Quốc Dương T và đại diện theo pháp luật của Huỳnh Thoại Tr trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất lời trình bày của ông T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số: 18/2022/DSST ngày 05/4/2022 của Tòa án thành phố C tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn H về việc yêu cầu bà Đặng Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V mở cho ông lối đi diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 và về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 và về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho bà Đặng Thị X và các con của bà X và ông T1 gồm: ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V, bà Huỳnh Kim N được tiếp tục sử dụng.

Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C và bản đồ đo đạc ngày 09/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

- *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000đ, ông Đặng Văn H phải chịu, ông H đã nộp tạm ứng và chi xong.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Đặng Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/4/2022, ông Đặng Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao phần diện tích lối đi 67,2m² cho ông được sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông H có đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của ông, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ Đặng Văn T và cụ bà Nguyễn Thị N (là cha mẹ của ông H và bà X) để lại cho vợ chồng ông Huỳnh Văn T1 và bà Đặng Thị X vào năm 1975. Năm 1993, ông Huỳnh Văn T1 đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/1993. Diện tích đất tranh chấp là 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 trở về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Theo Công văn số 1795/CNVPĐKĐĐ-TPCL ngày 02/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C xác định phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính chính quy đối chiếu với bản đồ cũ thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T1 vào ngày 08/6/1993, việc cấp đất cho ông T1 là đúng trình tự, thủ tục, thời điểm cấp giấy không có ai tranh chấp.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thùy L đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn H cho rằng phần đất tranh chấp là của ông H nhưng khi ông T1 đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H cũng đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm với ông T1 với diện tích 15.860m². Sau đó, ông H đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp ngày 14/10/2003 với diện tích 16.648m² đều không kê khai phần đất tranh chấp, cũng như không kê khai diện tích đất thửa 92.

Ông H khởi kiện các bị đơn cho rằng lối đi này ông đã sử dụng từ năm 2011 để đi ra mộ cha mẹ ông nhưng theo hiện trạng sử dụng đất thực tế thì gia đình bà X đã san lấp đất ao để trồng cây, làm chuồng heo, nhà bếp. Khoảng năm 2016, Ủy ban nhân dân xã Mỹ T làm cống Bà Mụ, Ủy ban có hỏi gia đình bà X mượn phần đất này làm đường đi qua cầu cho người dân đi. Sau khi làm cống xong, Ủy ban nhân dân xã Mỹ T có cất lại nhà bếp cho gia đình bà X thì ông H không đồng ý. Ngoài ra, xung quanh phần đất tranh chấp là đất của gia đình ông H sử dụng, ông H có thể đi ra mộ bằng nhiều lối đi khác nhau trên đất của ông, đây không phải là lối đi duy nhất để đi ra mộ của cha mẹ ông H. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu bà Đặng

Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V mở cho ông lỗi đi trên đất ngang 04m, dài một cạnh giáp đất ông L là 16,71m, dài một cạnh giáp nhà ông T là 16,56m, diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 trở về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn có căn cứ, việc kháng cáo của ông H là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H phải chịu tiền án phí phúc thẩm, nhưng do ông H là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí cho ông H.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 189; Điều 198; Điều 245; Điều 246; Điều 248; Điều 254; Bộ luật dân sự; Điều 99; Điều 100; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn H.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.
3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn H về việc yêu cầu bà Đặng Thị X, ông Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V mở cho ông lỗi đi diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 trở về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất diện tích 67,2m², trong phạm vi các mốc 8, C, D, 13 trở về mốc 8, thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 20 (trước đây thửa số 16, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho bà Đặng Thị X và các con của bà X và ông T1 gồm: ông

Huỳnh Thành T, bà Huỳnh Kim S, bà Huỳnh Kim V, bà Huỳnh Kim N được tiếp tục sử dụng.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C và bản đồ đo đạc ngày 09/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Các đương sự được có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000đ, ông Đặng Văn H phải chịu, ông H đã nộp tạm ứng và chi xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. C;
- TAND TP. C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội